

TỔNG QUAN VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA VIDEO NGẮN ĐẾN KHẢ NĂNG NHẬN THỨC CỦA TRẺ VỊ THÀNH NIÊN

Bùi Phương Thảo

Khoa Khoa học Giáo dục, trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN

Tóm tắt: Bài báo trình bày tổng quan các nghiên cứu về ảnh hưởng của video ngắn đối với khả năng nhận thức của trẻ vị thành niên. Nội dung tập trung làm rõ khái niệm video ngắn, đặc điểm của hình thức truyền thông này và những tác động của nó đến các chức năng nhận thức. Trên cơ sở các bằng chứng thực nghiệm, tác giả thảo luận đề xuất định hướng sử dụng video ngắn một cách hợp lý nhằm phát huy lợi ích và hạn chế các tác động tiêu cực.

Từ khóa: Video ngắn; khả năng nhận thức; trí nhớ; chú ý; chức năng điều hành; trẻ vị thành niên.

A LITERATURE REVIEW OF THE IMPACTS OF SHORT-FORM VIDEO ON ADOLESCENTS' COGNITIVE ABILITIES

Abstract: This paper provides a review of research on the impacts of short-form video on adolescents' cognitive abilities. The review focuses on clarifying the concept and characteristics of short-form video and its influence on cognitive functions. Based on empirical evidence, recommendations for responsible use of short-form video are discussed to maximize benefits and reduce negative outcomes.

Keywords: Short-form video; cognitive abilities; memory; attention; executive functions; adolescents.

Nhận bài: 21/04/2026

Phản biện: 21/05/2026

Duyệt đăng: 25/05/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển của công nghệ số và mạng xã hội đã làm thay đổi đáng kể cách thức tiếp nhận thông tin của con người, đặc biệt là trẻ vị thành niên. Trong những năm gần đây, video ngắn đã trở thành một trong những hình thức nội dung phổ biến nhất trên các nền tảng số như TikTok, Facebook reels, Instagram reels, YouTube shorts và Shopee video. Với đặc trưng thời lượng ngắn, nội dung đa dạng, khả năng cá nhân hóa cao và cơ chế cuộn liên tục, video ngắn ngày càng thu hút lượng lớn người dùng trên toàn thế giới.

Video ngắn được hiểu là những video có thời lượng từ vài giây đến vài phút, được thiết kế nhằm truyền tải thông tin nhanh chóng, trực quan và dễ tiếp cận. Từ khi xuất hiện trên nền tảng Vine vào năm 2013 và đặc biệt sau sự bùng nổ của TikTok/Douyin từ năm 2016, loại hình nội dung này đã nhanh chóng trở thành một phần quan trọng trong đời sống số. Không chỉ phục vụ mục đích giải trí, video ngắn còn được sử dụng để học tập, tiếp cận thông tin, quảng bá sản phẩm và tương tác xã hội.

Trẻ vị thành niên hiện là một trong những nhóm sử dụng video ngắn tích cực nhất. Việc tiếp xúc thường xuyên với các nội dung ngắn, giàu kích thích và thay đổi nhanh làm dấy lên nhiều lo ngại về ảnh hưởng của video ngắn đối với sự phát triển nhận thức của nhóm đối tượng này. Sự suy giảm khả năng kiểm soát chú ý, giảm hiệu quả ghi nhớ, gia tăng xử lý thông tin ở mức độ nông và những

biến đổi trong hoạt động thần kinh liên quan đến nhận thức đã được ghi nhận ở những trẻ vị thành niên sử dụng video ngắn với cường độ cao (Xu và cộng sự, 2024; Ye và cộng sự, 2025; Wei và cộng sự, 2026). Ngược lại, việc sử dụng video ngắn một cách có định hướng lại có thể góp phần mở rộng cơ hội học tập, hỗ trợ tiếp cận tri thức và phát triển năng lực đọc viết thị giác (Wang & Yulia, 2025; Xu và cộng sự, 2024).

Những kết quả chưa thống nhất này cho thấy tác động của video ngắn đối với khả năng nhận thức của trẻ vị thành niên là một vấn đề cần được xem xét một cách toàn diện. Trong bối cảnh đó, việc tổng hợp và phân tích các bằng chứng nghiên cứu hiện có là cần thiết nhằm làm rõ những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của video ngắn đối với khả năng nhận thức của trẻ vị thành niên, từ đó đề xuất các định hướng sử dụng phù hợp trong giáo dục và đời sống số.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Lí luận về ảnh hưởng của video ngắn đến khả năng nhận thức ở trẻ vị thành niên

2.1.1. Khái niệm về video ngắn

Video ngắn là một dạng phương tiện truyền thông nghe nhìn có thời lượng ngắn, thường kéo dài từ vài giây đến vài phút và được thiết kế nhằm truyền tải thông tin một cách nhanh chóng, trực quan và dễ tiếp cận (Yuan & Wang, 2024; Wei và cộng sự, 2026). Đây là loại nội dung chủ yếu

do người dùng tạo ra, xuất hiện phổ biến trên các nền tảng như TikTok, Facebook, Instagram và YouTube.

Một trong những đặc điểm nổi bật nhất của video ngắn là thời lượng ngắn, trong đó các video dưới một phút chiếm tỷ lệ lớn nhất. Bên cạnh đó, video ngắn thường kết hợp hình ảnh, âm thanh và hiệu ứng đa phương tiện nổi bật và mới lạ nhằm thu hút sự chú ý của người xem. Sự phát triển của công nghệ cùng yêu cầu kỹ thuật thấp cũng giúp người dùng dễ dàng tham gia vào quá trình sáng tạo và chia sẻ nội dung (Yuan & Wang, 2024).

Ngoài ra, video ngắn còn mang tính phân mảnh cao khi cho phép người dùng tiếp cận một lượng lớn thông tin trong những khoảng thời gian ngắn (Yuan & Wang, 2024; Wei và cộng sự, 2026). Các nền tảng video ngắn thường sử dụng thuật toán đề xuất để cá nhân hóa nội dung dựa trên hành vi và sở thích của người dùng, từ đó gia tăng mức độ tương tác và thời gian sử dụng (Ye và cộng sự, 2025; Wei và cộng sự, 2026). Định dạng cuộn dọc liên tục và cơ chế tự động phát cũng tạo điều kiện cho việc xem nội dung diễn ra liền mạch, làm tăng khả năng người dùng tiếp tục sử dụng nền tảng trong thời gian dài (Al-Leimon và cộng sự, 2025).

2.1.2. Đặc điểm phát triển tuổi vị thành niên

Trẻ vị thành niên là giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ em sang người trưởng thành, được đặc trưng bởi những biến đổi mạnh mẽ đa phương diện. Một trong những đặc điểm nổi bật của lứa tuổi này là nhu cầu khám phá, tìm kiếm trải nghiệm mới và có xu hướng nhạy cảm với các kích thích mang tính phần thưởng. Các nền tảng video ngắn với nội dung đa dạng, hình ảnh sinh động, cơ chế cuộn liên tục và hệ thống gợi ý cá nhân hóa có khả năng đáp ứng mạnh mẽ những nhu cầu này, khiến trẻ vị thành niên trở thành một trong những nhóm người dùng tích cực nhất của loại hình truyền thông này trên phạm vi toàn cầu (Xu và cộng sự, 2024; Ye và cộng sự, 2025).

Tuy nhiên, ở giai đoạn này, vỏ não trước trán vẫn chưa phát triển hoàn toàn, các chức năng điều hành như kiểm soát nhận thức, điều chỉnh hành vi và trí nhớ làm việc vẫn đang tiếp tục hoàn thiện. Đặc điểm này kết hợp với xu hướng tìm kiếm sự thỏa mãn tức thì từ các nội dung số, khiến các em có nguy cơ cao sử dụng quá mức hoặc phát triển hành vi nghiện video ngắn (Ye và cộng sự, 2025; Mona và cộng sự, 2026). Bên cạnh đó, nhiều trẻ

vị thành niên còn sử dụng mạng xã hội và video ngắn như một cách để đối phó với căng thẳng và những khó khăn trong cuộc sống hằng ngày (Al-Leimon và cộng sự, 2025). Việc tiếp xúc thường xuyên với các nội dung ngắn, thay đổi nhanh và giàu kích thích có thể ảnh hưởng đến khả năng nhận thức của nhóm tuổi này.

2.2. Ảnh hưởng của video ngắn đến khả năng nhận thức ở trẻ vị thành niên

2.2.1. Ảnh hưởng tích cực của video ngắn ở trẻ vị thành niên

Video ngắn tạo ra những cơ hội học tập vượt ra ngoài khuôn khổ giáo dục chính quy. Thông qua việc chủ động tìm kiếm thông tin, tham gia vào các cộng đồng trực tuyến và tương tác với nội dung số, trẻ vị thành niên có điều kiện phát triển năng lực học tập độc lập và mở rộng không gian học tập ngoài lớp học (Xu và cộng sự, 2024). Khi được sử dụng với mục đích học tập và tiếp cận các nội dung có chất lượng, video ngắn có thể trở thành công cụ hiệu quả trong việc kích thích tư duy và mở rộng nhận thức của người học. Đặc biệt, các chuỗi video kiến thức được thiết kế có hệ thống, chẳng hạn như nội dung về khoa học hoặc pháp luật, có khả năng khơi gợi hứng thú khám phá, thúc đẩy tư duy phản tư và hỗ trợ người học xây dựng hệ thống tri thức mang tính lý tính hơn (Li & Zhang, 2024).

Trong bối cảnh truyền thông số phát triển mạnh mẽ, năng lực đọc viết thị giác ngày càng trở nên quan trọng. Việc diễn giải, đánh giá và sáng tạo nội dung trực quan giúp người học nâng cao khả năng xử lý thông tin bằng hình ảnh, đồng thời tăng cường các kỹ năng nhận thức và giao tiếp. Quá trình tham gia sáng tạo nội dung số cũng góp phần phát triển khả năng kể chuyện kỹ thuật số, hiểu biết về cấu trúc tường thuật và các yếu tố thẩm mỹ trong truyền thông (Wang & Yulia, 2025).

Việc tham gia tích cực vào các hoạt động thảo luận, bình luận và phân tích nội dung trên nền tảng số có thể thúc đẩy sự phát triển của các quá trình nhận thức bậc cao, bao gồm tư duy phản biện, lý luận phân tích và phản tư (Wang & Yulia, 2025). Bên cạnh đó, các video phân tích tình huống, đặc biệt trong các lĩnh vực như pháp luật hoặc các hiện tượng xã hội, có thể hướng dẫn người xem tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, qua đó hỗ trợ quá trình ra quyết định và giải quyết vấn đề (Li & Zhang, 2024).

Việc tiếp xúc với các nội dung video ngắn phù hợp còn có thể kích thích sự tò mò, tăng cường tính sáng tạo và hỗ trợ phát triển vốn từ vựng ở trẻ vị thành niên (Mona và cộng sự, 2026). Đặc điểm ngắn gọn, trực quan và giàu ngữ cảnh của video ngắn cũng có khả năng nâng cao động lực học tập, gia tăng sự tham gia của người học và duy trì hứng thú đối với nhiệm vụ học tập (Wei và cộng sự, 2026). Trong một số điều kiện nhất định, việc thường xuyên tham gia vào các hoạt động truyền thông số năng động có thể liên quan đến mức độ linh hoạt nhận thức cao hơn, thể hiện ở khả năng chuyển đổi nhanh giữa các nhiệm vụ và điều chỉnh hành vi theo mục tiêu (Xu và cộng sự, 2024). Tuy nhiên, những tác động tích cực này phụ thuộc đáng kể vào nội dung, mục đích sử dụng và thời lượng tiếp xúc với video ngắn..

2.2.2. Ảnh hưởng tiêu cực của video ngắn ở trẻ vị thành niên

Việc sử dụng video ngắn với tần suất cao có liên quan đến sự suy giảm một số chức năng nhận thức quan trọng của trẻ vị thành niên.

Nghiên ứng dụng video ngắn là yếu tố dự báo tiêu cực đối với dung lượng bộ nhớ làm việc, làm giảm khả năng lưu trữ và xử lý đồng thời nhiều thông tin. Việc sử dụng quá mức còn liên quan đến sự suy giảm khả năng kiểm soát nhận thức, khiến người dùng gặp khó khăn trong việc duy trì sự tập trung vào các nhiệm vụ mục tiêu khi phải đối mặt với nhiều kích thích hấp dẫn từ môi trường số (Xu và cộng sự, 2024). Sự tiếp xúc kéo dài với các phương tiện truyền thông có nhịp độ cao cũng có thể thúc đẩy các phản ứng mang tính bốc đồng, làm giảm xu hướng suy xét thấu đáo trước khi đưa ra quyết định (Shashua, 2025).

Khả năng chú ý là một trong những lĩnh vực nhận thức chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất từ việc sử dụng video ngắn. Cường độ sử dụng video ngắn cao có liên quan trực tiếp đến sự suy giảm khả năng kiểm soát chú ý ở trẻ vị thành niên (Ye và cộng sự, 2025). Việc sử dụng video ngắn quá mức thường đi kèm với sự suy giảm khả năng duy trì chú ý và kiểm soát sự xao nhãng (Mona và cộng sự, 2026). Tiếp xúc thường xuyên với các nội dung ngắn, thay đổi nhanh có thể làm rút ngắn khoảng thời gian chú ý và ảnh hưởng đến năng lực xử lý thông tin của người dùng (Shamloul, 2024). Sự tiếp xúc liên tục với các kích thích kỹ thuật số tốc độ cao có thể dẫn đến hiện tượng “não bộ

TikTok” hoặc “não bộ bắp rang”, đặc trưng bởi tình trạng khó duy trì sự tập trung kéo dài và xu hướng xử lý thông tin theo kiểu rời rạc. Bên cạnh đó, việc lướt xem video liên tục còn làm tiêu hao nguồn lực nhận thức vốn có thể được sử dụng cho các hoạt động trí tuệ khác, từ đó cản trở quá trình tư duy phân tích (Shashua, 2025).

Video ngắn cũng có tác động bất lợi đối với trí nhớ. So với các định dạng video truyền thống, việc học tập thông qua video ngắn dẫn đến độ chính xác của trí nhớ tức thì thấp hơn đáng kể và tỷ lệ quên cao hơn trong các nhiệm vụ ghi nhớ có chủ đích. Đặc tính phân mảnh cùng tốc độ chuyển đổi nội dung nhanh của video ngắn khiến phần lớn nguồn lực chú ý được dành cho việc theo dõi các kích thích thị giác và âm thanh, làm hạn chế quá trình mã hóa ngữ nghĩa sâu cần thiết cho sự hình thành trí nhớ dài hạn (Wei và cộng sự, 2026). Đồng thời, nghiện video ngắn còn là yếu tố dự báo tiêu cực đối với dung lượng bộ nhớ làm việc, làm giảm khả năng lưu trữ và xử lý thông tin đồng thời (Xu và cộng sự, 2024). Sự suy giảm chức năng trí nhớ ở người nghiện video ngắn cũng được ghi nhận có liên quan chặt chẽ đến sự suy giảm khả năng chú ý (Al-Leimon và cộng sự, 2025).

Ngoài ra, đặc trưng ngắn gọn và thiên về giải trí của video ngắn có thể làm suy giảm xu hướng xử lý thông tin ở mức độ sâu. Việc tiếp xúc kéo dài với các nội dung phân mảnh có thể dẫn đến sự chuyển dịch từ tư duy hệ thống sang tư duy phân mảnh, từ xử lý thông tin theo trình tự tuyến tính sang kiểu xử lý nhảy cóc và thiếu tính liên kết (Li & Zhang, 2024). Nhịp độ nhanh cùng sự xuất hiện liên tục của các kích thích thị giác làm gia tăng nguy cơ quá tải nhận thức, gây mệt mỏi tâm lý và làm giảm khả năng phân tích, tổng hợp thông tin một cách toàn diện (Li & Zhang, 2024). Bên cạnh đó, sự phụ thuộc vào các thuật toán gợi ý nội dung còn có thể làm giảm xu hướng tìm kiếm thông tin một cách chủ động và hạn chế tính tự chủ trong quá trình tiếp nhận tri thức (Li & Zhang, 2024).

Ở cấp độ thần kinh, việc sử dụng video ngắn quá mức có thể liên quan đến những thay đổi trong hoạt động não bộ. Nghiện video ngắn có liên quan đến những biến đổi ở các vùng não tham gia vào kiểm soát nhận thức và chức năng điều hành (Xu và cộng sự, 2024). Việc xem video ngắn làm giảm mức độ đồng bộ thần kinh ở các vùng não liên quan đến chú ý thị giác không gian, trí nhớ

phân đoạn và kiểm soát nhận thức (Wei và cộng sự, 2026). Sự phụ thuộc ngày càng lớn vào các kích thích mang tính phần thưởng tức thời cũng có thể làm suy yếu khả năng tự kiểm soát và khiến người dùng khó chấm dứt hành vi xem video (Ye và cộng sự, 2025; Shashua, 2025).

2.3. Kiến nghị nhằm phát huy lợi ích và hạn chế tác động tiêu cực của video ngắn đối với khả năng nhận thức của trẻ vị thành niên

Để hạn chế những tác động bất lợi và phát huy tiềm năng của video ngắn đối với sự phát triển nhận thức của trẻ vị thành niên, trước hết cần tăng cường khả năng tự điều chỉnh của người sử dụng. Trẻ vị thành niên cần hình thành thói quen sử dụng video ngắn một cách có kiểm soát thông qua việc giới hạn thời gian sử dụng hằng ngày, thiết lập các lời nhắc về thời gian và duy trì sự cân bằng giữa việc xem video với các hoạt động học tập, đọc sách và các hoạt động đòi hỏi tư duy sâu (Li & Zhang, 2024). Việc tham gia thường xuyên vào các hoạt động thể chất cũng được xem là yếu tố góp phần nâng cao khả năng tự kiểm soát, qua đó giảm nguy cơ nghiện video ngắn và các hệ lụy liên quan đến nhận thức (Mona và cộng sự, 2026).

Bên cạnh việc quản lý thời gian, việc lựa chọn nội dung một cách có chủ đích cũng đóng vai trò quan trọng. Thay vì tiêu thụ nội dung một cách thụ động, trẻ vị thành niên cần được khuyến khích chủ động tiếp cận các nội dung có giá trị giáo dục, có tính hệ thống và định hướng tri thức như khoa học, ngôn ngữ hoặc pháp luật nhằm mở rộng hiểu biết và kích thích tư duy (Li & Zhang, 2024; Mona và cộng sự, 2026). Đồng thời, việc duy trì sự cân bằng giữa nội dung giải trí và nội dung giáo dục có thể góp phần làm giảm nguy cơ nghiện cũng như hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng nhận thức (Ye và cộng sự, 2025).

Tầm quan trọng của việc chuyển từ hình thức tiêu thụ nội dung thụ động sang tham gia tích cực vào môi trường truyền thông số cũng được nhấn mạnh. Việc tham gia sáng tạo nội dung, kể chuyện kỹ thuật số hoặc thảo luận, phân tích các nội dung trên nền tảng trực tuyến có thể thúc đẩy sự phát triển của tư duy phản biện, khả năng lý luận và kỹ năng biểu đạt sáng tạo của trẻ vị thành niên (Wang & Yulia, 2025). Bên cạnh đó, việc hình thành thói quen sử dụng phương tiện truyền thông một cách có ý thức và tinh táo được xem là giải pháp cần thiết nhằm bảo vệ khả năng tập trung và hạn chế tình trạng xử lý thông tin theo kiểu phân mảnh (Wang & Yulia, 2025).

Gia đình và nhà trường giữ vai trò quan trọng trong việc định hướng sử dụng video ngắn ở trẻ vị thành niên. Các chương trình giáo dục cần chú trọng phát triển năng lực truyền thông số và năng lực đọc viết thị giác, giúp học sinh có khả năng diễn giải, đánh giá và phản biện thông tin trực quan một cách hiệu quả (Wang & Yulia, 2025; Li & Zhang, 2024). Đồng thời, việc tích hợp video ngắn vào các hoạt động dạy học cần được thực hiện trong những bối cảnh có cấu trúc và có định hướng sư phạm rõ ràng nhằm duy trì sự chú ý và nâng cao hiệu quả học tập (Wei và cộng sự, 2026; Mona và cộng sự, 2026). Sự hỗ trợ và giám sát từ phụ huynh trong việc quản lý thời gian sử dụng, hướng dẫn lựa chọn nội dung phù hợp và phát triển kỹ năng tự điều chỉnh cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc phòng ngừa các hành vi sử dụng không thích nghi (Ye và cộng sự, 2025).

Ngoài ra, việc tận dụng các công cụ công nghệ hỗ trợ như chế độ dành cho trẻ vị thành niên, chức năng giới hạn thời gian sử dụng hoặc các công cụ theo dõi thời lượng truy cập có thể góp phần ngăn ngừa tình trạng sử dụng quá mức và tạo ra môi trường số an toàn hơn cho trẻ vị thành niên (Al-Leimon và cộng sự, 2025; Li & Zhang, 2024).

III. KẾT LUẬN

Sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng video ngắn đã làm thay đổi đáng kể cách thức trẻ vị thành niên tiếp nhận, xử lý và chia sẻ thông tin trong môi trường số. Tổng quan các nghiên cứu cho thấy video ngắn có ảnh hưởng hai mặt đối với khả năng nhận thức của trẻ vị thành niên. Một mặt, việc sử dụng video ngắn một cách có mục đích và có định hướng có thể mở rộng cơ hội học tập, thúc đẩy phát triển năng lực đọc viết thị giác, tư duy phản biện và tăng cường động lực học tập. Mặt khác, việc sử dụng quá mức hoặc mang tính nghiện có liên quan đến sự suy giảm khả năng chú ý, trí nhớ, chức năng điều hành và xu hướng xử lý thông tin ở mức độ nông, phân mảnh. Những phát hiện này cho thấy bản thân video ngắn không hoàn toàn có lợi hoặc có hại, mà tác động của nó phụ thuộc đáng kể vào thời lượng sử dụng, chất lượng nội dung, mục đích sử dụng và khả năng tự điều chỉnh của người dùng. Do đó, việc nâng cao năng lực truyền thông số, tăng cường giáo dục kỹ năng tự điều chỉnh và định hướng sử dụng video ngắn một cách hợp lý là cần thiết nhằm phát huy lợi ích và hạn chế những ảnh hưởng bất lợi của loại hình truyền thông này đối với sự phát triển nhận thức của trẻ vị thành niên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Al-Leimon, O., Pan, W., Jaber, A.-R., Al-Leimon, A., Jaber, A. R., Aljahalin, M., & Dardas, L. A. (2025). Reels to remembrance: Attention partially mediates the relationship between short-form video addiction and memory function among youth. *Healthcare*, 13(3), 252. <https://doi.org/10.3390/healthcare13030252>
- Hong, J., Su, Y., Wang, J., Xu, X., Qu, W., Fan, H., ... & Tan, S. (2023). Association between video gaming time and cognitive functions: A cross-sectional study of Chinese children and adolescents. *Asian Journal of Psychiatry*, 84, 103584. <https://doi.org/10.1016/j.ajp.2023.103584>
- Mona, A. E., Roshith, V., Peter, R., Roy, P., Hassan, A., Devika, M., & Trishala, M. (2026). Short video addiction and its impact on cognitive functioning in adolescents and youth: A systematic review. *International Journal of Adolescence and Youth*, 31(1), 2623337. <https://doi.org/10.1080/02673843.2026.2623337>
- Shamloul, M. A. (2024). Short-form videography exposure's impact on the cognitive function and academic performance of high school students. *The Young Researcher*, 8(1), 48–65.
- Shashua, A. (2025). TikTok brain and cognitive costs: Attention, learning, and short-form video culture.
- Wang, H., & Yulia, A. (2025). The impact of social media on visual literacy of college students: A comprehensive review. *Malaysian Journal of Social Sciences and Humanities (MJSSH)*, 10(7), e003284. <https://doi.org/10.47405/mjssh.v10i7.3284>
- Wei, M., Li, Y., Ni, H., et al. (2026). Learning via short videos impairs memory accuracy and reduces brain synchrony. *Communications Psychology*. <https://doi.org/10.1038/s44271-026-00476-x>
- Xu, Z., Liu, X., Chen, J., & Zhang, Y. (2024). Neural correlates of short-video application addiction and adolescents' executive functions. In R. Lindgren, T. I. Asino, E. A. Kyza, C. K. Looi, D. T. Keifert, & E. Suárez (Eds.), *Proceedings of the 18th International Conference of the Learning Sciences (ICLS 2024)* (pp. 147–153). International Society of the Learning Sciences. <https://doi.org/10.22318/icls2024.131890>
- Ye, J. H., Zheng, J., Nong, W., & Yang, X. (2025). Potential effect of short video usage intensity on short video addiction, perceived mood enhancement (“TikTok Brain”), and attention control among Chinese adolescents. *International Journal of Mental Health Promotion*, 27(3). <https://doi.org/10.32604/ijmhp.2025.059929>
- Yuan, Y., & Wang, Q. (2024). Characteristics, hotspots, and prospects of short video research: A review of papers published in China from 2012 to 2022. *Heliyon*, 10(3). <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e24885>